

SÁNG NGỜI GIÁ TRỊ LỊCH SỬ BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP NĂM 1945

THE SHINING HISTORICAL VALUE OF THE 1945 DECLARATION OF INDEPENDENCE

NGUYỄN XUÂN TẾ^(*)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 15-8-2024 Ngày biên tập xong: 04-9-2024 Ngày duyệt đăng: 31-9-2024 Mã số: TCKH47-19-2024 ISSN: 2525 – 2429</p> <p>Từ khóa: Chủ tịch Hồ Chí Minh; Tuyên ngôn Độc lập năm 1945; giá trị pháp lý, văn kiện lịch sử. Key words: President Ho Chi Minh; Declaration of Independence in 1945; legal value.</p>	<p>Bản Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc vào ngày 02 tháng 9 năm 1945 tại Quảng trường Ba Đình là một văn kiện lịch sử quan trọng khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Văn bản này không chỉ có giá trị lịch sử to lớn mà còn có giá trị pháp lý sâu sắc, trở thành nền tảng pháp lý đầu tiên của Nhà nước Việt Nam độc lập. Tuyên ngôn khẳng định độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, chấm dứt chế độ thuộc địa, phong kiến và tuyên bố khai sinh một nước độc lập, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới và luật pháp quốc tế.</p> <p>ABSTRACT: The Declaration of Independence read by President Ho Chi Minh on September 2, 1945 at Ba Dinh Square is an important historical document giving birth to the Democratic Republic of Vietnam. This document not only has great historical value but also has profound legal value, becoming the first legal foundation of the independent State of Vietnam. The Declaration affirms the independence and freedom of the Vietnamese people, puts an end to colonial and feudal regimes and declares the birth of an independent country, in accordance with the development trend of the world and international law at that time.</p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tuyên ngôn Độc lập ra đời trong bối cảnh lịch sử đặc biệt của Việt Nam và thế giới năm 1945. Trên bình diện quốc tế, thế chiến thứ hai bước vào giai đoạn cuối cùng. Đức Quốc xã đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện (07-5-1945); Nhật Bản đang trên đà thất bại hoàn toàn sau khi Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima (06-8-1945) và Nagasaki (09-8-1945). Ngoại trưởng Nhật Bản, Mamoru Shigemitsu chính thức ký vào

văn kiện đầu hàng quân Đồng minh (02-9-1945). Sự sụp đổ của chủ nghĩa phát xít đã tạo điều kiện thuận lợi cho các dân tộc bị áp bức đấu tranh giành độc lập.

Tại Việt Nam, ngày 19-8-1945, nhân dân Hà Nội nổi dậy giành chính quyền. Sau đó, phong trào cách mạng lan rộng khắp cả nước. Ngày 28-8-1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập do Hồ Chí Minh đứng đầu. Tuy nhiên, tình hình đất

(*) PGS.TS. Tổng Biên tập Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Văn Lang, te.nx@vlu.edu.vn

nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Ở miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch chuẩn bị can thiệp dưới danh nghĩa tước vũ khí của quân Nhật. Ở miền Nam, quân Pháp bám gót 1 vạn quân Anh sắp đổ bộ, chúng âm mưu quay lại xâm lược lần thứ hai.

Trong bối cảnh đó, nhu cầu cấp thiết phải tuyên bố độc lập, khẳng định chủ quyền quốc gia và thành lập nhà nước mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương nhận thức rõ tầm quan trọng của việc nhanh chóng tuyên bố độc lập trước sự can thiệp của nước ngoài. Ngày 02 tháng 9 năm 1945 được chọn là thời điểm lịch sử khi Tuyên ngôn Độc lập được tuyên bố, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức để khẳng định chủ quyền, quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam. Văn kiện này cũng phản ánh khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam sau gần một thế kỷ bị thực dân Pháp đô hộ. Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh viết và đọc tại Quảng trường Ba Đình lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Văn kiện này đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: Kỷ nguyên độc lập, tự do. Nó chính thức chấm dứt gần một thế kỷ cai trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam và chấm dứt chế độ quân chủ phong kiến kéo dài hàng nghìn năm.

2. NỘI DUNG

2.1. Nội dung chính của Bản Tuyên ngôn Độc lập

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngắn gọn nhưng đầy đủ và sâu sắc. Ngay từ đầu, văn kiện đã trích dẫn những tuyên bố bất hủ từ Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ (1776) và Tuyên ngôn về Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp (1791), trong đó khẳng định quyền bình đẳng,

quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của con người. Từ đó, khẳng định các quyền này cũng được áp dụng đối với người Việt Nam.

Bản Tuyên ngôn tiếp tục đề cập đến lịch sử đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam chống lại ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ. Tuyên ngôn vạch trần tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Đồng thời, Bản Tuyên ngôn cũng lên án sự phản bội của chính quyền thực dân Pháp khi liên minh với phát xít Nhật để tiếp tục đàn áp nhân dân Việt Nam.

Cuối cùng, Tuyên bố kêu gọi các nước đồng minh công nhận nền độc lập của Việt Nam và thể hiện Việt Nam sẵn sàng hợp tác với các nước trên thế giới nhằm thúc đẩy hòa bình và tiến bộ nhân loại. Văn kiện kết thúc bằng lời thề kiên quyết bảo vệ nền độc lập mới giành được của toàn thể dân tộc Việt Nam.

2.1.1. Khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam

Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1945 đã khẳng định sức mạnh và quyết tâm của nhân dân Việt Nam vì độc lập, tự do. Tài liệu đã trích dẫn Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ khẳng định *“Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”* [1, tr.1]. Tuyên ngôn về Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp cho rằng: *“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”* [1, tr.1]. Từ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khéo léo lập luận rằng những quyền cơ bản và phổ quát này cũng cần được áp dụng đối với người dân Việt Nam.

Tuyên ngôn khẳng định: *“Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”* [1, tr.1]. Câu nói này không chỉ khẳng định những quyền tự nhiên, bất khả xâm

phạm của người dân Việt Nam mà còn đưa Việt Nam ngang hàng với các nước trên thế giới. Đây là cơ sở quan trọng để Việt Nam tuyên bố độc lập và yêu cầu cộng đồng quốc tế công nhận chủ quyền của mình.

Tuyên bố sau đó ôn lại lịch sử đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam chống lại ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ. Văn kiện nêu bật ý chí, khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam được rèn giũa và thể hiện qua nhiều thế hệ. *“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống Phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”* [1, tr.3]. Tuyên ngôn tiếp tục khẳng định một cách mạnh mẽ độc lập, tự do là quyền chính đáng và là khát vọng sâu sắc của toàn thể dân tộc.

Đỉnh cao của việc bảo vệ độc lập, tự do là lời tuyên bố: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”* [1, tr.3]. Tuyên bố này không chỉ tuyên bố Việt Nam đã giành được độc lập mà còn thể hiện quyết tâm bảo vệ nền độc lập này bằng mọi giá.

Tuyên bố cũng khẳng định quyền độc lập, tự do của Việt Nam trên trường quốc tế và kêu gọi các nước đồng minh công nhận nền độc lập của Việt Nam. Điều này cho thấy Việt Nam không chỉ ý thức được quyền độc lập, tự do của mình mà còn mong muốn được thế giới tôn trọng và công nhận.

Quyền độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam được thể hiện rõ nét trong Tuyên ngôn Độc lập, từ lời kêu gọi nguyên tắc chung đến việc nhìn lại lịch sử chiến tranh cho đến bản Tuyên ngôn Độc lập chính thức được sự công nhận quốc tế. Đây chính là việc tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho việc xây dựng và bảo vệ nền độc lập của Việt Nam sau này.

2.1.2. Tuyên bố chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở Việt Nam

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 không chỉ khẳng định độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam mà còn tuyên bố kiên quyết về sự kết thúc của chế độ thực dân, phong kiến tồn tại lâu đời ở nước ta. Đó là bước ngoặt lịch sử, đánh dấu sự kết thúc một thời kỳ đen tối, mở ra một thời đại mới cho dân tộc Việt Nam.

Về chính quyền thuộc địa, Tuyên ngôn vạch trần tội ác của thực dân Pháp trong suốt gần một thế kỷ đô hộ Việt Nam. Văn kiện nêu rõ thực dân Pháp đã tước đoạt của nhân dân ta từ chính trị đến kinh tế. *“Về chính trị - Chúng tuyệt đối không cho dân ta một chút tự do dân chủ nào”* [1, tr.1]; *“Về kinh tế - Chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều”* [1, tr.2]. Đến khi phát xít Nhật xâm lược các nước Đông Dương thì thực dân Pháp lại hèn hạ dâng nước ta cho Nhật. Tuyên bố của Bản Tuyên ngôn không chỉ lên án tội ác của thực dân Pháp mà còn chính thức tuyên bố chấm dứt ách thống trị của chúng ở Việt Nam.

Về chế độ phong kiến, tuy không đề cập trực tiếp nhưng Tuyên bố cũng đã chỉ rõ sự suy tàn của chế độ quân chủ và sự bất lực của chế độ này trong việc bảo vệ nền độc lập dân tộc. Tuyên ngôn thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chính thức chấm dứt hàng nghìn năm chế độ phong kiến ở Việt Nam. Tuyên ngôn đã nêu rõ trước quốc dân và toàn thế giới rằng: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập”* [1, tr.3]. Điều đó cũng có nghĩa là chế độ cũ, trong đó có chế độ phong kiến, không còn phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của dân tộc.

Tuyên ngôn Độc lập tuyên bố chấm dứt ách thống trị của thực dân, phong kiến và mở ra một trang mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Nó không chỉ là một tuyên bố chính trị mà còn là cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng một nhà nước độc lập, tự do và dân chủ. Tuyên bố cũng thể hiện quyết tâm của cả dân tộc xóa bỏ hoàn toàn áp bức, bóc lột có nguồn gốc từ bên ngoài

(thuộc địa) và bên trong (phong kiến) nhằm xây dựng một xã hội công bằng, tiến bộ.

Tuyên bố chấm dứt chế độ thuộc địa, phong kiến trong Tuyên ngôn Độc lập là một bước đi táo bạo, thể hiện tư duy độc lập, tiến bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với các lãnh tụ cách mạng Việt Nam. Điều này không chỉ có ý nghĩa lịch sử to lớn mà còn tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng đất nước trong thời kỳ mới.

2.1.3. Tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 chính thức công bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tạo nên một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử đất nước. Sự kiện này không chỉ củng cố nền độc lập của Việt Nam mà còn thể hiện khát vọng của nhân dân ta xây dựng một đất nước độc lập, hòa bình, dân chủ, tiến bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh long trọng tuyên bố: *“Thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam”* [1, tr.3].

Tuyên ngôn thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa không chỉ có ý nghĩa quốc gia mà còn có ý nghĩa quốc tế. Đây là thông điệp gửi tới cộng đồng quốc tế về sự ra đời của một quốc gia mới độc lập ở Đông Nam Á, sẵn sàng tham gia quan hệ quốc tế trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Tuyên bố nêu rõ: *“Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Têhêrăng và Cựu – Kim – Sơn, quyết không thể không nhận quyền độc lập của dân Việt Nam”* [1, tr.3]. Tuyên ngôn khẳng định Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng thực hiện chính sách mở rộng quan hệ với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để duy trì hòa bình và dân chủ thế giới.

Tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng đặt nền móng cho việc xây dựng hệ thống chính trị, pháp luật mới. Điều này đánh dấu sự khởi đầu của quá trình chuyển đổi từ một

xã hội thuộc địa và phong kiến sang một nước độc lập, dân chủ với các thể chế chính trị, kinh tế, xã hội tiến bộ. Tuy nhiên, tuyên bố này cũng cho thấy chúng ta nhận thức được những thách thức phía trước. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi *“Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng quyết liệt chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp”* [1, tr.3]. Điều này cho thấy tầm nhìn xa của người lãnh đạo trên con đường khó khăn bảo vệ và xây dựng nền độc lập của đất nước.

Việc tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong Tuyên ngôn Độc lập là một sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu sự ra đời của một dân tộc độc lập, tự do và khát vọng xây dựng một đất nước tự do, độc lập, hội nhập, dân chủ và tiến bộ.

2.2. Giá trị pháp lý của bản Tuyên ngôn Độc lập

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 không chỉ có ý nghĩa lịch sử to lớn mà còn có giá trị pháp lý sâu sắc đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới. Đây là văn bản pháp luật đầu tiên khẳng định chủ quyền quốc gia và quyền tự quyết của người dân Việt Nam. Văn kiện chính thức tuyên bố chấm dứt chế độ thuộc địa, phong kiến và sự ra đời một nhà nước độc lập, có chủ quyền.

Tuyên ngôn Độc lập trở thành cơ sở pháp lý cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước Việt Nam. Nó làm cơ sở cho việc hình thành các thể chế chính trị, kinh tế, xã hội mới phù hợp với một đất nước độc lập, dân chủ. Đồng thời, văn bản này cũng tạo cơ sở pháp lý vững chắc để Việt Nam đấu tranh, bảo vệ độc lập, chủ quyền trên trường quốc tế. Ở cấp độ quốc tế, Tuyên ngôn Độc lập thể hiện sự phù hợp với xu hướng phát triển toàn cầu và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế. Tham khảo Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp, Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đặt nền độc lập của Việt Nam trong mối tương quan với các giá trị phổ quát được cộng đồng quốc tế đề cao.

Ngoài ra, Tuyên ngôn Độc lập còn tạo cơ sở pháp lý để Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng chủ quyền của nhau. Điều này thể hiện sự sẵn sàng giao lưu với cộng đồng quốc tế của Việt Nam với tư cách là một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Giá trị pháp lý của Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 là vô cùng to lớn và sâu sắc. Đây không chỉ là cơ sở pháp lý cho sự ra đời và tồn tại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà còn là cơ sở để Việt Nam khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế.

2.2.1. Là văn bản pháp lý đầu tiên khẳng định chủ quyền quốc gia

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo và công bố là văn bản pháp luật đầu tiên khẳng định toàn diện và chắc chắn chủ quyền quốc gia của Việt Nam. Tuyên ngôn Độc lập khẳng định chủ quyền quốc gia của Việt Nam về nhiều mặt.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố rõ ràng, dứt khoát về quyền độc lập của nhân dân Việt Nam: “Việt Nam có quyền được hưởng tự do, độc lập và đã thực sự trở thành một nước tự do, độc lập”. Tuyên bố này không chỉ khẳng định các quyền tự nhiên và bất khả xâm phạm của Việt Nam mà còn tuyên bố Việt Nam đã giành được độc lập.

Tuyên ngôn sau đó tuyên bố chấm dứt mọi quan hệ thuộc địa giữa Việt Nam và thực dân Pháp và bãi bỏ mọi đặc quyền của chúng tại Việt Nam. Tuyên ngôn khẳng định “*Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa*” [1, tr.3]. Điều này cho thấy Việt Nam có quyền tự quyết định vận mệnh của mình mà không có sự can thiệp hay ép buộc từ bên ngoài.

Tuyên ngôn còn khẳng định chủ quyền quốc gia bằng việc tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là sự khẳng định về một thể chế chính trị độc lập mới, thay thế các chế độ thuộc địa, phong kiến trước đây.

Ngày 14 tháng 1 năm 1950, với tư cách là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh tuyên bố với thế giới rằng: “*Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam*” [2, tr.331]. Như vậy, Việt Nam đã chính thức tuyên bố với thế giới về sự tồn tại của một quốc gia có chủ quyền, có quyền quyết định con đường phát triển của mình. Hơn nữa, Tuyên ngôn Độc lập còn thể hiện chủ quyền quốc gia của Việt Nam trong lĩnh vực đối ngoại. Văn bản nêu rõ Việt Nam sẵn sàng hợp tác với các nước trên thế giới trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Điều này cho thấy Việt Nam với tư cách là một quốc gia độc lập có quyền và khả năng thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước khác.

Đặc biệt, bằng cách viện dẫn các nguyên tắc phổ quát của Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền từ Cách mạng Pháp, nó đã xác định rõ ràng mối quan hệ giữa độc lập và chủ quyền của Việt Nam với các giá trị được quốc tế công nhận. Điều này không chỉ củng cố tính chính đáng của bản Tuyên ngôn Độc lập mà còn thể hiện Việt Nam là quốc gia có chủ quyền, sẵn sàng tham gia cộng đồng quốc tế và tuân thủ các nguyên tắc phổ quát của luật pháp quốc tế.

2.2.2. Là cơ sở pháp lý cho việc xây dựng nhà nước Việt Nam độc lập

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 không chỉ là văn kiện củng cố chủ quyền quốc gia mà còn là cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng một nhà nước Việt Nam độc lập. Thứ nhất, văn kiện này chính thức tuyên bố ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đặt nền móng cho việc hình thành một hệ thống chính trị mới độc lập, dân chủ.

Tuyên ngôn Độc lập đã khẳng định những nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của nhà nước mới. Nó khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, thể hiện rõ nét: “*Toàn dân tộc Việt Nam đã quyết dùng tất cả sinh mạng, sức lực, tinh thần và tài sản của mình để*

giữ gìn tự do, độc lập của mình”. Đây là cơ sở để xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Tuyên bố cũng đưa ra những hướng dẫn cơ bản để xây dựng hệ thống pháp luật của một quốc gia độc lập.

Về tổ chức bộ máy nhà nước, Tuyên ngôn Độc lập cũng đã chỉ ra cơ sở hình thành các cơ quan quyền lực nhà nước từ trung ương đến địa phương. Đó chính là việc mở đường cho việc xây dựng hệ thống hành chính mới thay thế bộ máy hành chính thuộc địa, phong kiến cũ.

Trong lĩnh vực đối ngoại, Tuyên ngôn Độc lập tạo cơ sở pháp lý để Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền của nhau. *“Bất kỳ nước nào (gồm cả nước Pháp) thật thà muốn đưa tư bản đến kinh doanh ở Việt Nam, với mục đích làm lợi cho cả hai bên, thì Việt Nam sẽ rất hoan nghênh. Bất kỳ nước nào (gồm cả nước Pháp) mong đưa tư bản đến để ràng buộc áp chế Việt Nam, thì Việt Nam sẽ kiên quyết cự tuyệt”* [2, tr.145]. Điều này cũng đã trực tiếp khẳng định vị thế của Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền trong cộng đồng quốc tế.

Tuy không trực tiếp đề cập đến các vấn đề kinh tế - xã hội, nhưng Tuyên ngôn Độc lập cũng đã vạch hướng xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ phục vụ lợi ích của nhân dân, đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng *“Sau 80 năm bị thực dân Pháp vơ vét, bóc lột và mấy năm bị thực dân Pháp tàn phá, cướp bóc, nước Việt Nam độc lập cần phải ra sức kiến thiết”* [2, tr.145]. Thông qua quan điểm này cho thấy Hồ Chí Minh đặt nền móng cho việc xây dựng nền kinh tế dân tộc độc lập.

Tuyên ngôn Độc lập cũng còn là cơ sở pháp lý và tinh thần để vận động toàn dân tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng mới thành lập. Nó đòi hỏi sự đoàn kết của toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng đất nước, tạo nên sức mạnh to lớn để vượt qua khó khăn trong giai đoạn đầu giành độc lập.

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đã đặt nền tảng pháp lý vững chắc cho việc xây dựng một nước Việt Nam độc lập. Nó không chỉ tuyên bố sự ra đời của một đất nước mới mà còn định hướng tổ chức và hoạt động của nhà nước trên mọi lĩnh vực, từ chính trị, pháp luật đến kinh tế, xã hội và đối ngoại. Giá trị pháp lý của Tuyên ngôn Độc lập tiếp tục được kế thừa và phát triển trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước Việt Nam độc lập, dân chủ và pháp quyền.

2.2.3. Phù hợp với xu thế phát triển của thế giới và luật pháp quốc tế

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của Việt Nam không chỉ là một văn kiện quan trọng trong lịch sử đất nước mà còn thể hiện sự phù hợp sâu sắc với những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế có hiệu lực lúc bấy giờ. Điều này được thể hiện ở nhiều phần trong Tuyên bố.

Tuyên ngôn Độc lập ra đời vào cuối Thế chiến thứ hai, khi xu hướng giải phóng dân tộc và chống thực dân đang phát triển mạnh mẽ trên toàn thế giới. Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam hoàn toàn phù hợp với xu thế đó và cũng phản ánh khát vọng chính đáng của các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Tuyên ngôn viện dẫn một cách nghệ thuật các nguyên tắc phổ quát của Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ và Tuyên ngôn về Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp.

Tuyên ngôn còn phản ánh tinh thần của Hiến chương Đại Tây Dương (1941) và Hiến chương Liên hợp quốc (1945) về quyền tự quyết của các dân tộc. Bản Tuyên ngôn đã tuyên bố độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam. Tuyên bố này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc quan trọng của luật pháp quốc tế. Trong thư gửi Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ ngày 22 tháng 10 năm 1945 Hồ Chí Minh khẳng định *“Hiến chương Đại Tây Dương được xem như nền tảng của nước Việt Nam trong tương lai. Một cương lĩnh kiến quốc đã được dự thảo mà về sau người ta thấy rằng nó phù hợp với Hiến chương Xan Phranxixcô”* [1, tr.81].

Tuyên ngôn còn phản ánh tinh thần thời đại mới khi đề cập đến các quyền cơ bản của con người như quyền sống, quyền tự do và quyền hạnh phúc. Điều này cho thấy Việt Nam sau độc lập đã thể hiện cam kết của mình đối với các giá trị phổ quát của con người, phù hợp với xu hướng phát triển của luật nhân quyền quốc tế.

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của Việt Nam không chỉ là bản tuyên ngôn chủ quyền quốc gia mà còn là văn kiện thể hiện sự phù hợp sâu sắc với xu thế phát triển của thế giới lúc bấy giờ và những cơ sở nguyên tắc của pháp luật quốc tế Việt Nam ở Việt Nam. Điều này không chỉ củng cố tính chính đáng của bản Tuyên ngôn Độc lập mà còn tạo nền tảng vững chắc để Việt Nam hội nhập cộng đồng quốc tế với tư cách là một quốc gia độc lập, có chủ quyền và tuân thủ pháp luật.

2.3. Ảnh hưởng của bản Tuyên ngôn Độc lập

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đã có tác động sâu sắc và lâu dài đến lịch sử Việt Nam về nhiều mặt. Trên hết về mặt chính trị, văn kiện này đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: Kỷ nguyên độc lập, tự do. Nó đã trở thành nguồn động lực tinh thần to lớn cho nhân dân Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau này.

Về mặt pháp lý, Tuyên ngôn Độc lập là cơ sở để xây dựng một hệ thống pháp luật độc lập ở Việt Nam. Nó đặt nền móng cho việc ban hành Hiến pháp (1946) và các văn bản pháp luật quan trọng khác góp phần thiết lập nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Trong lĩnh vực đối ngoại, Tuyên bố có tác động quan trọng đối với Việt Nam trong việc thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước. Chính trên cơ sở đó Việt Nam có thể củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế và tham gia các tổ chức quốc tế với tư cách là một quốc gia độc lập, có chủ quyền.

Ở cấp độ xã hội, tinh thần Tuyên ngôn Độc lập đã thấm sâu vào đời sống nhân dân và trở thành nguồn động viên, động lực cho mọi tầng lớp xã hội xây dựng và phát triển đất nước. Điều này góp phần rất lớn trong việc nâng cao ý thức dân tộc và lòng yêu nước của người dân Việt Nam.

Tác động của Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 rất sâu sắc và toàn diện, bao trùm mọi mặt chính trị, pháp luật, đối ngoại và đời sống văn hóa - xã hội của Việt Nam. Nó không chỉ có ý nghĩa lịch sử to lớn mà còn tiếp tục là nguồn cảm hứng cho các thế hệ người dân Việt Nam xây dựng và phát triển đất nước.

2.3.1. Đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đã có ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954) và đế quốc Mỹ (1954-1975) của nhân dân Việt Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tinh thần của Tuyên ngôn Độc lập đã trở thành nguồn động lực mạnh mẽ cho toàn dân tộc. Điều này đã đánh thức lòng yêu nước, ý chí độc lập và quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng của nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương (sau này là Đảng Lao động Việt Nam) đã nhiều lần viện dẫn tinh thần của Tuyên ngôn Độc lập để kêu gọi kháng chiến, kêu gọi toàn dân đoàn kết, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Tuyên ngôn Độc lập vẫn là nguồn sức mạnh tinh thần to lớn. Điều này càng củng cố thêm quyết tâm của nhân dân Việt Nam bảo vệ nền độc lập đã giành được và thống nhất đất nước. Tinh thần độc lập, tự do của Tuyên ngôn đã thấm sâu vào tâm hồn mỗi người Việt Nam và trở thành động lực mạnh mẽ giúp họ vượt qua mọi khó khăn, hy sinh trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của đất nước.

Về ngoại giao, Tuyên ngôn Độc lập đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Việt Nam giành

được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế trong hai cuộc kháng chiến.

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 có ảnh hưởng to lớn và sâu sắc đối với nhân dân Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Nó không chỉ là nền tảng pháp lý và tinh thần của cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc mà còn là nguồn sức mạnh vô tận động viên toàn dân tộc đoàn kết, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng, thống nhất đất nước. Tinh thần của Tuyên ngôn Độc lập đã góp phần quan trọng vào thắng lợi cuối cùng của nhân dân Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ này.

2.3.2. Đối với quá trình xây dựng và phát triển đất nước

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đã có ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài đến quá trình xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam. Văn kiện này trước hết tạo cơ sở pháp lý và tư tưởng cho việc xây dựng một nhà nước độc lập, dân chủ và tiến bộ. Nó trở thành kim chỉ nam cho đường lối phát triển của đất nước trong quá trình lịch sử sau này.

Trong lĩnh vực chính trị, tinh thần của Tuyên ngôn Độc lập chỉ đạo xây dựng hệ thống chính trị dân chủ như nền tảng của dân tộc. Nguyên tắc nêu trong Tuyên ngôn “dân làm chủ, nước thuộc về nhân dân” đã trở thành căn cứ tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương. Điều này được thể hiện rõ ràng trong Hiến pháp và hệ thống pháp luật Việt Nam qua từng thời kỳ.

Về kinh tế, tuy không đề cập trực tiếp nhưng tinh thần độc lập, tự chủ trong Tuyên ngôn đã giúp xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phục vụ lợi ích dân tộc, dân tộc. Nó hỗ trợ thực hiện các chính sách kinh tế quan trọng như cải cách nông nghiệp, xây dựng nền kinh tế kế hoạch và sau này là cải cách và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trên lĩnh vực văn hóa, xã hội, Tuyên ngôn Độc lập đã đặt nền móng xây dựng nền văn hóa dân tộc tiên tiến, giàu bản sắc dân tộc. Tinh thần

độc lập và niềm tin của dân tộc được thể hiện trong văn kiện là nguồn cảm hứng cho nhiều sáng tạo văn học, nghệ thuật. Đồng thời chỉ đạo xây dựng các chính sách xã hội tiến bộ hướng tới mục tiêu bình đẳng và phát triển con người.

Về chính sách đối ngoại, Tuyên ngôn Độc lập là cơ sở để Việt Nam xây dựng và thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, đa phương, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Tinh thần hòa bình, hữu nghị thể hiện trong văn kiện khuyến khích Việt Nam tích cực tham gia vào các hoạt động của cộng đồng quốc tế, thúc đẩy hòa bình và phát triển con người.

Trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tinh thần của Tuyên ngôn Độc lập là nguồn động lực mạnh mẽ cho toàn thể dân tộc. Nó bồi dưỡng lòng yêu nước, khát vọng độc lập, độc lập và tinh thần đoàn kết dân tộc trong công cuộc xây dựng đất nước. Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, tinh thần độc lập, tự chủ của Tuyên ngôn vẫn được kế thừa và phát huy, giúp Việt Nam vững vàng đối mặt với những thách thức của thời kỳ mới.

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đã ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam. Nó không chỉ là minh chứng lịch sử về sự ra đời của một dân tộc độc lập mà còn là nguồn cảm hứng vô tận giúp đất nước phát triển về mọi mặt. Tinh thần của Tuyên ngôn Độc lập được kế thừa và phát huy trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.3.3. Đối với vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Việt Nam, tuyên bố ra đời một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Sự kiện này đã tác động sâu sắc đến vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Trước hết, Tuyên ngôn khẳng định quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam, đặt nền móng để Việt Nam trở thành một chủ thể độc lập trong quan hệ quốc tế. Điều này đã tạo cơ sở pháp lý, chính trị

để Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới.

Tuyên bố còn đề cao tinh thần độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, thu hút sự quan tâm, ủng hộ của quốc tế đối với cuộc đấu tranh giành độc lập của Việt Nam. Điều này giúp củng cố vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đặc biệt trong phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Việt Nam trở thành biểu tượng của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, thu hút được thiện cảm và ủng hộ của nhiều nước.

Ngoài ra, Tuyên ngôn Độc lập còn đặt nền móng để Việt Nam gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực với tư cách là một quốc gia độc lập. Điều này mở ra cơ hội để Việt Nam tăng cường hợp tác quốc tế, tham gia các diễn đàn đa phương và đóng góp vào các vấn đề quốc tế quan trọng.

Tuy nhiên, quá trình khẳng định vị thế quốc tế của Việt Nam sau khi Tuyên ngôn Độc lập ra đời không phải là một con đường bằng phẳng. Đất nước đã phải trải qua nhiều thử thách trong đó có chiến tranh và khó khăn thử thách trong việc xây dựng đất nước. Nhưng tinh thần độc lập, quyết tâm bảo vệ chủ quyền quốc gia thể hiện trong Tuyên ngôn vẫn luôn luôn là nguồn năng lượng to lớn và quý báu

cho các thế hệ nhân dân Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

3. KẾT LUẬN

Bản Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn và công bố ngày 02 tháng 9 năm 1945 có giá trị lịch sử và pháp lý to lớn đối với dân tộc Việt Nam và thế giới. Đây là văn bản chính thức khẳng định sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đánh dấu sự ra đời của Nhà nước Việt Nam độc lập, có chủ quyền. Tuyên ngôn nêu rõ quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam và khẳng định quyết tâm bảo vệ nền độc lập đó trước cộng đồng quốc tế. Xét về mặt luật pháp quốc tế, Tuyên ngôn Độc lập là tuyên bố chính thức của Việt Nam về việc chấm dứt chế độ thuộc địa và trở thành một quốc gia có chủ quyền. Tuyên bố cũng nêu rõ những nguyên tắc cơ bản của nhà nước mới như quyền bình đẳng và quyền tự do của công dân. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong thời kỳ mới. Với những giá trị to lớn đó, Tuyên ngôn Độc lập được coi là văn bản chính trị đặc biệt quan trọng, đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử của dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
[2] Hồ Chí Minh, (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.